

Biểu mẫu 05

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN HUỆ****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2018-2019**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ sinh năm 2012 có tên theo danh sách phân tuyển của PGD & ĐT quận Phú Nhuận	Học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 1 của trường NH 2018-2019	Học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 2 của trường NH 2018-2019	Học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 3 của trường NH 2018-2019	Học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 4 của trường NH 2018-2019
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Theo văn bản chỉ đạo	Theo văn bản chỉ đạo	Theo văn bản chỉ đạo	Theo văn bản chỉ đạo	Theo văn bản chỉ đạo
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	Đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu	Đạt chỉ tiêu
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Phú Nhuận, ngày 01 tháng 09 năm 2018

Thư trưởng đơn vị



Trương Quốc Hưng

Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q. PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN HUÊ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2017 - 2018

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1089	245	199	212	226	207
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	1089	245	199	212	226	207
III	Số học sinh chia theo Phẩm chất, năng lực:						
1	Tốt	1089	245	199	212	226	207
	a. Chăm học, chăm làm	1061	243	199	211	201	207
	b. Tự tin, trách nhiệm	1066	243	197	210	209	207
	c. Trung thực, kỉ luật	1077	243	199	212	216	207
	d. Đoàn kết, yêu thương						
2	Đạt	69	04	08	15	42	00
	a. Chăm học, chăm làm	28	02	00	01	25	00
	b. Tự tin, trách nhiệm	23	02	02	02	17	00
	c. Trung thực, kỉ luật	12	02	00	00	10	00
	d. Đoàn kết, yêu thương						
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
	a. Chăm học, chăm làm	0	0	0	0	0	0
	b. Tự tin, trách nhiệm	0	0	0	0	0	0
	c. Trung thực, kỉ luật	0	0	0	0	0	0
	d. Đoàn kết, yêu thương	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo chất lượng môn học:						
1	Tiếng Việt						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	900	236	164	147	175	178
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	188	08	35	65	51	29
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	01	01	00	00	00	00
2	Toán						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	974	242	184	163	200	185
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	114	02	15	49	26	22
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	01	01	00	00	00	00
3	Khoa học						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	409				202	207
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	24				24	00
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00				00	00
4	Lịch sử và Địa lí						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	428				224	204
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	05				02	03
c.	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	00				00	00
5	Tiếng nước ngoài						
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						

	(tỷ lệ so với tổng số)	0,09%	0,4%	0%	0%	0%	0%
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,09%	01 0,4%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học (tỷ lệ so với tổng số)	207 (100%)					207 (100%)

Phước Nhuận, ngày 01 tháng 9 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Trương Quốc Hưng

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN HUÊ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	28/28	1 phòng học/1 lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28/28	28 phòng/28 lớp
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
III	Số điểm trường	01	01
IV	Tổng diện tích đất (m²)	4702 m ²	4,1 m ² /1 học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2389 m ²	2,1 m ² /1 học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	46 m ²	1,1 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	50 m ²	0,04 m ²
3	Diện tích phòng Tin học (m ²)	50,56 m ²	-
4	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48 m ²	-
5	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	10,6 m ²	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1.1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1	Khối lớp 1	6	1 bộ/ lớp
2	Khối lớp 2	6	1 bộ/ lớp
3	Khối lớp 3	5	1 bộ/ lớp
4	Khối lớp 4	5	1 bộ/ lớp
5	Khối lớp 5	6	1 bộ/ lớp
2.2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
1	Khối lớp 1	0	0 bộ/lớp
2	Khối lớp 2	0	0 bộ/lớp
3	Khối lớp 3	0	0 bộ/lớp
4	Khối lớp 4	0	0 bộ/lớp
5	Khối lớp 5	0	0 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	43	25,3 HS / bộ
IX	Tổng số thiết bị		
1	Ti vi	22	0,8/lớp
2	Cát xét	21	0,8/ lớp

Biểu mẫu 08

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN HUỆ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2018-2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
I	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	96	0	2	45	4	2	42	0	0	0				
	Giáo viên	48	0	1	41	4	1	0	8	2	32				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Giáo viên dạy nhiều môn	31			28	3			5	2	24				
2	Mỹ thuật	2			2						1				
3	Thể dục	2			1	1			1		1				
4	Âm nhạc	3			3						1				
5	Tiếng Anh	7		1	6				1		4				
6	Tin học	1				1									
7	Tổng phụ trách	1			1						1				
8	Giáo viên phổ cập	1					1		1						
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	0	0	3				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	40	0	0	1	0	2	42	0	0	0				
1	Nhân viên văn thư	1						1							
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1						1							
4	Nhân viên y tế	1					1								